NGÔN NGỮ HỌC VÀ VIỆT NGỮ HỌC

ĐẶC ĐIỂM DẠNG LÁY TÍNH TỪ TRONG TIẾNG VIỆT TỪ GÓC ĐỘ CẤU TRÚC, Ý NGHĨA NGỮ PHÁP VÀ CHỨC NĂNG

LÊ NGỌC SANG*

TÓM TẮT: Láy là một hiện tượng ngôn ngữ tiêu biểu của tiếng Việt, phản ánh rõ đặc trưng loại hình và tư duy biểu đạt của người Việt. Trong hệ thống từ vựng - ngữ pháp tiếng Việt, dạng láy của tính từ giữ vai trò quan trọng trong việc biểu đạt sắc thái ý nghĩa, mức độ và cảm xúc.

Bài viết khảo sát dạng láy tính từ trong tiếng Việt từ ba bình diện: cấu trúc hình thức, ngữ nghĩa và chức năng ngữ pháp, trên cơ sở khung lí thuyết Việt ngữ học hiện đại và phân tích ngữ liệu thu thập từ văn bản viết cũng như lời nói thường nhật. Kết quả nghiên cứu cho thấy dạng láy tính từ không chỉ là một thủ pháp tu từ mà còn là một cơ chế ngữ pháp - ngữ nghĩa đặc thù, góp phần làm phong phú khả năng biểu đạt của tiếng Việt. Những kết quả này đồng thời gợi mở các hướng ứng dụng trong giảng dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ.

TỪ KHÓA: dạng láy; tính từ; cấu trúc; ngữ nghĩa; chức năng ngữ pháp.

NHẬN BÀI: 12/10/2025. BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 25/01/2026

1. Đặt vấn đề

Trong các ngôn ngữ đơn lập, tiếng Việt nổi bật với hệ thống phương thức cấu tạo từ phong phú, trong đó hiện tượng láy giữ một vị trí đặc biệt quan trọng. Không chỉ góp phần tạo nên sắc thái biểu cảm, láy còn phản ánh cách thức tổ chức ý nghĩa mang tính đặc thù của tiếng Việt. Trong nghiên cứu Việt ngữ học, hiện tượng láy đã được tiếp cận từ nhiều bình diện khác nhau, như ngữ âm học, từ vựng học, ngữ pháp học và phong cách học. Phần lớn các công trình trước đây tập trung vào việc phân loại hình thức láy hoặc làm rõ giá trị tu từ và biểu cảm của hiện tượng này. Tuy nhiên, việc xem xét dạng láy, đặc biệt là dạng láy của tính từ, như một cơ chế ngữ pháp - ngữ nghĩa vẫn chưa được khai thác một cách hệ thống. Từ thực tiễn đó, bài viết này lựa chọn tiếp cận dạng láy tính từ trong tiếng Việt như một biến thể ngữ pháp của tính từ gốc, không phải là một đơn vị từ vựng độc lập. Trên cơ sở kết hợp ba bình diện phân tích là cấu trúc hình thức, ngữ nghĩa và chức năng ngữ pháp, nghiên cứu nhằm làm rõ bản chất ngôn ngữ học của dạng láy tính từ, cũng như vai trò của hiện tượng này trong hệ thống ngữ pháp tiếng Việt hiện đại.

2. Một số vấn đề chung

2.1. Dạng láy tính từ trong tiếng Việt

a. Từ láy, dạng láy và dạng láy tính từ:

Ngữ pháp tiếng Việt (Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam, 1983), phân biệt từ láy và dạng láy:

Từ láy là đơn vị từ vựng hoàn chỉnh, được hình thành bằng phương thức láy và có nghĩa từ vựng tương đối ổn định. Dạng láy là biến thể ngữ pháp của từ gốc, không tạo ra đơn vị từ vựng mới mà chủ yếu đảm nhiệm chức năng biểu đạt ý nghĩa ngữ pháp và sắc thái biểu cảm. Dạng láy chỉ tồn tại trong mối quan hệ với từ gốc và phát huy giá trị trong những ngữ cảnh sử dụng cụ thể. Trên cơ sở đó, dạng láy tính từ trong tiếng Việt được hiểu là hình thức ngữ pháp được tạo lập bằng cách lặp lại toàn bộ hoặc một phần hình thức ngữ âm của tính từ gốc theo những quy tắc nhất định, nhằm biểu đạt các sắc thái về mức độ, trạng thái, cảm xúc hoặc tính hình tượng của đặc điểm được miêu tả.

b. Cách tiếp cận trong nghiên cứu dạng láy tính từ

Dạng láy tính từ có thể được tiếp cận từ các góc độ. Chẳng hạn, trong ngữ pháp học truyền thống,

**TS; Trường Đại học Đồng Nai; Email: lengocsangtq33@gmail.com*

***PGS.TS; ng Đ i h c Ngo i ng i h c Đà N ng; Email: pvhoa@ufl.udn.vn*

dạng láy thường được xem là hiện tượng cấu trúc, tập trung vào mô hình hình thức và quy tắc tạo lập. Ngữ nghĩa học chú trọng làm rõ sự biến đổi và mở rộng ý nghĩa của tính từ khi tham gia vào cấu trúc láy, đặc biệt liên quan đến phạm trù mức độ và sắc thái nghĩa. Ngữ dụng học và phong cách học xem dạng láy như một phương tiện biểu đạt gắn với ngữ cảnh sử dụng, thể hiện thái độ và cảm xúc của người nói.

Nghiên cứu này tiếp cận dạng láy tính từ theo hướng kết hợp cấu trúc và ngữ nghĩa, coi đây là một hiện tượng ngữ pháp có mối quan hệ hữu cơ giữa hình thức cấu tạo và giá trị ý nghĩa được biểu đạt trong sử dụng ngôn ngữ. Cụ thể:

- Về hình thức: Việc nghiên cứu cấu trúc dạng láy tính từ được tiến hành dựa trên bốn tiêu chí chính: (i) mức độ lặp (láy toàn bộ và láy bộ phận); (ii) số lượng âm tiết của từ gốc; (iii) các đặc điểm ngữ âm như biến âm, biến điệu và hòa phối thanh điệu; (iv) vị trí tương quan giữa từ gốc và yếu tố láy trong cấu trúc. Trên cơ sở các tiêu chí này, nghiên cứu xác lập và mô tả các kiểu cấu trúc dạng láy tính từ tiêu biểu trong tiếng Việt, như AA, aA, AA là, AABB, ABB, AbB, ABab, abAB và một số biến thể khác.

- Về nội dung (ngữ nghĩa và chức năng ngữ pháp): Phân tích ngữ nghĩa tập trung làm rõ các giá trị ý nghĩa cơ bản do dạng láy tính từ biểu đạt, bao gồm ý nghĩa mức độ, tính mờ và sắc thái biểu cảm. Việc phân tích chức năng ngữ pháp nhằm khảo sát khả năng đảm nhiệm các vị trí cú pháp của dạng láy tính từ trong câu, cũng như những giới hạn chức năng so với tính từ không láy.

2.2. Ngữ liệu và phương pháp nghiên cứu

- *Ngữ liệu nghiên cứu:* Ngữ liệu được thu thập từ ba nguồn chính. Thứ nhất, ngữ liệu văn học bao gồm truyện ngắn và tiểu thuyết của các tác giả tiêu biểu như Nam Cao, Kim Lân, Tô Hoài, Nguyễn Minh Châu, Nguyên Hồng, Nguyễn Ngọc Tư, phản ánh giá trị biểu cảm và chức năng ngữ dụng của dạng láy tính từ. Thứ hai, ngữ liệu từ các công trình ngữ pháp và từ điển tiếng Việt, đặc biệt là Ngữ pháp tiếng Việt (1983) và các công trình của Hoàng Văn Hành, Nguyễn Kim Thản, Cao Xuân Hạo, nhằm bảo đảm tính chuẩn mực và cơ sở lí luận. Thứ ba, ngữ liệu từ giao tiếp và báo chí được sử dụng có chọn lọc để minh họa cách vận hành của dạng láy tính từ trong tiếng Việt hiện đại.

- *Phương pháp nghiên cứu:* gồm: 1/Phương pháp miêu tả nhằm nhận diện, phân loại và trình bày các kiểu cấu trúc của dạng láy tính từ cũng như mô tả đặc điểm hình thức và khả năng kết hợp cú pháp; 2/Phương pháp phân tích ngữ nghĩa được áp dụng để làm rõ các giá trị ý nghĩa ngữ pháp trong ngữ cảnh cụ thể; 3/Phương pháp so sánh các dạng láy khác nhau và dạng láy với tính từ không láy để làm rõ mối quan hệ giữa cấu trúc, ý nghĩa và chức năng; 4/Phương pháp tổng hợp tích hợp các kết quả phân tích để rút ra nhận xét khái quát.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Dạng láy tính từ xét ở góc độ cấu trúc

3.1.1. Nhận diện

Trong tiếng Việt, dạng láy của tính từ được hình thành bằng cách lặp lại toàn bộ hoặc một phần hình thức ngữ âm của tính từ gốc theo quy tắc nhất định. Khác với từ láy mang tư cách đơn vị từ vựng độc lập, dạng láy tính từ là biến thể ngữ pháp của từ gốc, tồn tại song song với tính từ không láy và không làm thay đổi tư cách từ loại. Xét về cấu trúc hình thức, dạng láy tính từ thể hiện tính đa dạng cao, bao gồm láy toàn bộ và láy bộ phận, với sự tham gia của các hiện tượng biến âm, biến điệu và hòa phối ngữ âm. Dựa trên các tiêu chí về mức độ lặp, số lượng âm tiết và đặc điểm ngữ âm, có thể phân loại cấu trúc dạng láy tính từ thành hai nhóm lớn: dạng láy của tính từ đơn âm tiết và dạng láy của tính từ song âm tiết.

3.1.2. Phân loại và miêu tả

3.1.2.1. Dạng láy của tính từ đơn âm tiết

- *Dạng láy toàn bộ AA:* là kiểu cấu trúc đơn giản và phổ biến nhất, trong đó tính từ đơn âm tiết A được lặp lại hoàn toàn để tạo thành cấu trúc AA, ví dụ:

(1) *Xe chạy <u>chậm chậm</u>... Mẹ tôi cầm nón vẫy tôi*. [Những ngày thơ ấu - Nguyên Hồng]

Về mặt hình thức, kiểu láy này không có sự biến đổi về âm hay thanh điệu giữa hai âm tiết, trong đó từ gốc đứng ở vị trí đầu và được lặp lại nguyên dạng ở vị trí sau. Đây là dạng cấu trúc ổn định, dễ nhận diện và có khả năng kết hợp linh hoạt trong câu, thường đảm nhiệm chức năng vị ngữ hoặc trạng ngữ, đồng thời phản ánh xu hướng láy toàn bộ đặc trưng của tiếng Việt.

- *Dạng láy có biến âm, biến điệu aA:* aA là kiểu cấu trúc trong đó âm tiết được láy có sự biến đổi về phụ âm đầu, nguyên âm hoặc thanh điệu so với từ gốc, ví dụ:

(2) *Tiếng con trống róng lên rộn rã, tiếng con mái gù gì thong thả nối theo, không khí buổi chiều dìu dịu*. [Vợ nhặt - Kim Lân]

Trong cấu trúc này, yếu tố láy không phải là bản sao hoàn toàn của từ gốc mà là kết quả của sự hòa phối ngữ âm, tuân theo quy luật đối ứng nhất định về âm vực và thanh điệu. Yếu tố biến âm thường đứng trước, trong khi từ gốc đứng sau, tạo nên trật tự aA. Kiểu cấu trúc này thể hiện tính linh hoạt cao của tiếng Việt trong việc khai thác yếu tố ngữ âm nhằm phục vụ mục đích biểu đạt.

- *Dạng láy AA có phụ từ "là":* tạo thành mô hình *AA là*, ví dụ:

(3) ...*Cuộc sống trên núi chán chán là*. [Vợ chồng A Phủ -Tô Hoài]

Về mặt hình thức, đây là dạng mở rộng của cấu trúc AA, trong đó phụ từ là đóng vai trò như một yếu tố ngữ pháp hóa, góp phần hoàn chỉnh cấu trúc và tạo điều kiện cho dạng láy đảm nhiệm chức năng vị ngữ trong câu. Kiểu cấu trúc này có tính ổn định tương đối cao và chủ yếu xuất hiện với các tính từ đơn âm tiết.

3.1.2.2. Dạng láy của tính từ song âm tiết

- *Dạng láy toàn bộ AABB:* là kiểu cấu trúc trong đó toàn bộ hai âm tiết của tính từ gốc được lặp lại theo trật tự tuyến tính, ví dụ:

(4) *Cái bà có đứa con gái gầy gầy xanh xanh*. [Vợ nhặt - Kim Lân]

Kiểu cấu trúc này thể hiện sự lặp hoàn toàn cả về số lượng âm tiết và trật tự sắp xếp. Tính từ gốc được lặp lại như một khối thống nhất, thường xuất hiện trong văn viết và văn học nghệ thuật, góp phần tạo nhịp điệu cho diễn ngôn.

- *Dạng láy ABB:* là kiểu cấu trúc trong đó âm tiết thứ hai của tính từ song âm được lặp lại, ví dụ:

(5) *Rồi bèo lấm tấm xanh, rau ngổ, rau muống mọc đầy, vươn những cái ngọn non nhuốt, trắng phau phau*. [Biển người mênh mông - Nguyễn Ngọc Tư]

Trong cấu trúc này, chỉ một bộ phận của từ gốc được lặp lại, do đó được xếp vào nhóm láy bộ phận. Yếu tố được láy thường là âm tiết mang giá trị ngữ nghĩa nổi bật, giữ vai trò trung tâm trong việc biểu đạt đặc điểm.

- *Dạng láy AbB:* là biến thể của dạng ABB, trong đó phần láy có sự biến đổi về âm hoặc thanh điệu, ví dụ:

(6) *Nó lớn phổng hẳn lên, to, khỏe và chắc nình nịch*. [Người chú dượng - Kim Lân]

Kiểu cấu trúc này kết hợp giữa láy bộ phận và biến âm, tạo nên hiệu quả biểu đạt mạnh. Sự biến đổi ngữ âm trong yếu tố láy không mang tính ngẫu nhiên mà tuân theo các quy luật đối ứng âm vị của tiếng Việt.

- *Dạng láy ABab và abAB:* là những cấu trúc phức tạp, trong đó cả hai âm tiết của từ gốc đều tham gia vào quá trình láy với sự biến đổi về âm và thanh điệu, ví dụ:

(7) *Ninh nắm lấy cái bàn tay bu, chỉ còn rặt những xương, mà lạnh giá. Nó lỏng la lỏng lẻo*. [Từ ngày mẹ chết - Nam Cao]

(8) *Còn quần áo thì gố ghỉnh, thì đầy dỉ, đứng cách ba thước còn ngửi thấy mùi chua, mà rách rưới, mà mất cúc, mà sứt chỉ, mà lôi thôi lếch thếch*. (Lang rận - Nam Cao]. Trong các cấu trúc này, trật tự của từ gốc và yếu tố láy có thể đảo chiều, tạo nên những mô hình không đối xứng. Đây là các dạng láy mang tính đặc thù cao, thể hiện rõ khả năng sáng tạo cấu trúc của tiếng Việt.

3.2. Dạng láy tính từ xét ở góc độ nghĩa ngữ pháp

3.2.1. Nhận diện

Trong tiếng Việt, dạng láy của tính từ không chỉ là sự biến đổi về hình thức mà còn kéo theo những biến đổi đáng kể về ý nghĩa ngữ pháp. Khác với tính từ không láy biểu thị đặc điểm ở trạng thái trung tính, dạng láy tính từ có chức năng điều chỉnh nội dung ngữ nghĩa của từ gốc, khiến đặc điểm được biểu đạt trở nên cụ thể, sinh động và mang sắc thái chủ quan rõ nét hơn. Ý nghĩa ngữ pháp của dạng láy tính từ được hình thành trên cơ sở mối quan hệ giữa hình thức láy và chức năng sử dụng trong câu. Dựa trên khảo sát ngữ liệu, có thể quy các ý nghĩa ngữ pháp chủ yếu của dạng láy tính từ về ba nhóm lớn: ý nghĩa mức độ, ý nghĩa tính mờ và ý nghĩa biểu cảm.

3.2.2. Các ý nghĩa biểu thị

3.2.2.1. Ý nghĩa biểu thị mức độ

- *Biểu thị mức độ tăng cường:* Một trong những chức năng ngữ pháp cơ bản của dạng láy tính từ là biểu thị mức độ tăng cường của đặc điểm so với tính từ gốc không láy. Trong trường hợp này, dạng láy làm cho đặc điểm được miêu tả trở nên nổi bật và rõ ràng hơn. Các kiểu cấu trúc thường gắn với ý nghĩa này bao gồm dạng láy toàn bộ AA, AABB và một số dạng láy bộ phận như ABB, AbB. Ví dụ, so với *đẹp*, dạng *đẹp đẹp* tạo hiệu ứng tăng cường mức độ biểu đạt; so với *trắng*, dạng trắng phau phau gây ấn tượng mạnh hơn về thị giác. Mức độ tăng cường do dạng láy tạo ra không mang tính định lượng chính xác mà thường mang tính ước lệ, phụ thuộc vào cảm nhận chủ quan của người nói. Điều này cho thấy dạng láy tính từ tham gia vào việc biểu đạt mức độ theo hướng ngữ pháp hóa cảm xúc hơn là đo lường khách quan.

- *Biểu thị mức độ giảm nhẹ:* Bên cạnh chức năng tăng cường, dạng láy tính từ còn có khả năng biểu thị mức độ giảm nhẹ của đặc điểm. Trong trường hợp này, đặc điểm được diễn đạt như một trạng thái chưa đạt đến mức điển hình hoặc chỉ tồn tại ở mức độ vừa phải. Các dạng láy AA và aA của tính từ đơn âm thường đảm nhiệm chức năng này, ví dụ: *xanh xanh, lành lạnh, hơi hơi*. So với tính từ gốc, dạng láy tạo cảm giác nhẹ, không tuyệt đối, góp phần làm mềm hóa phát ngôn. Ý nghĩa giảm nhẹ thường xuất hiện trong các ngữ cảnh miêu tả hoặc đánh giá mang tính chủ quan, phản ánh thái độ dè dặt hoặc thận trọng của người nói.

- *Biểu thị mức độ tuyệt đối:* Một số dạng láy tính từ có khả năng biểu thị mức độ tuyệt đối, tức là mức độ cao nhất của đặc điểm được nói đến, không cần đến phép so sánh. Ý nghĩa này chủ yếu gắn với cấu trúc AA là của các tính từ đơn âm tiết. Trong các cấu trúc như *đẹp đẹp là, đen đen là, chán chán là*, phụ từ là đóng vai trò ngữ pháp hóa mức độ, khiến đặc điểm được hiểu như đạt đến mức tối đa trong nhận thức của người nói. Đây là một đặc điểm ngữ pháp đáng chú ý của tiếng Việt.

3.2.2.2. Ý nghĩa biểu thị tính mờ của đặc điểm

Một chức năng ngữ pháp đáng chú ý khác của dạng láy tính từ là biểu thị tính mờ, tức là trạng thái đặc điểm không có ranh giới rõ ràng và khó xác định một cách chính xác. Ý nghĩa này thường gắn với các dạng láy aA của tính từ đơn âm và dạng AABB của tính từ song âm, ví dụ: *trăng trắng, gầy gầy, xanh xanh.* Trong các trường hợp này, dạng láy cho thấy đặc điểm được cảm nhận như "có nhưng không rõ" hoặc "gần giống nhưng chưa hoàn toàn". Tính mờ do dạng láy tạo ra phản ánh cách thức tri nhận mang tính cảm tính, trong đó đặc điểm của sự vật không được phân chia rạch ròi mà tồn tại trên một thang độ liên tục.

3.2.2.3. Ý nghĩa biểu cảm và thái độ chủ quan

Dạng láy tính từ còn giữ vai trò quan trọng trong việc biểu đạt thái độ và cảm xúc của người nói. Thông qua hình thức láy, tính từ không chỉ thực hiện chức năng miêu tả mà còn hàm chứa sự đánh giá chủ quan. Trong nhiều trường hợp, dạng láy mang sắc thái yêu thích hoặc trìu mến, thường xuất hiện trong miêu tả con người hoặc sự vật gần gũi, ví dụ: xinh xinh, nho nhỏ, ngoan ngoãn. Ngược lại, một số dạng láy khác biểu thị sắc thái chê trách, khinh thị hoặc mỉa mai, như lôi thôi lếch thếch, lúng ta lúng túng.

Ý nghĩa biểu cảm này không hoàn toàn cố định theo cấu trúc mà phụ thuộc nhiều vào ngữ cảnh sử dụng và chủ thể phát ngôn, cho thấy tính linh hoạt của dạng láy trong diễn ngôn.

3.3. Dạng láy tính từ xét ở góc độ chức năng ngữ pháp

3.3.1. Nhận diện

Trong hệ thống ngữ pháp tiếng Việt, dạng láy của tính từ không chỉ có giá trị về mặt hình thức và ý nghĩa mà còn đảm nhiệm những chức năng cú pháp nhất định trong câu. Khác với bình diện ngữ nghĩa, nơi trọng tâm là nội dung biểu đạt, bình diện chức năng ngữ pháp tập trung làm rõ vai trò của dạng láy tính từ trong cấu trúc cú pháp và mối quan hệ của chúng với các thành phần khác của câu. Về cơ bản, dạng láy tính từ vẫn giữ nguyên tư cách từ loại của tính từ gốc. Tuy nhiên, khả năng đảm nhiệm chức năng cú pháp của dạng láy có những giới hạn và đặc điểm riêng, không hoàn toàn trùng khớp với tính từ không láy. Điều này cho thấy dạng láy tính từ là một biến thể ngữ pháp có tính lựa chọn trong sử dụng.

3.3.2. Các chức năng

3.3.2.1. Chức năng vị ngữ

- Làm vị ngữ không có từ nối: Trong nhiều trường hợp, dạng láy tính từ có thể trực tiếp đảm nhiệm chức năng vị ngữ trong câu mà không cần đến sự xuất hiện của động từ liên kết, ví dụ:

(9) …, *trời <u>lành lạnh</u>, hễ có gió thì kinh kinh*. [Chí phèo - Nam Cao]

(10) *Mặt trời <u>chênh chếch</u>, nhòm vào gốc đa*. [Tắt đèn - Ngô Tất Tố]

Ở kiểu cấu trúc này, dạng láy tính từ đứng sau chủ ngữ và trực tiếp biểu thị trạng thái hoặc đặc điểm của đối tượng được nói đến. So với tính từ không láy, dạng láy thường mang sắc thái miêu tả và cảm nhận chủ quan rõ nét hơn, khiến câu mang tính đánh giá hoặc biểu cảm.

- Làm vị ngữ có phụ từ hỗ trợ: Một số dạng láy, đặc biệt là cấu trúc AA là, thường xuất hiện ở vị trí vị ngữ với sự hỗ trợ của phụ từ là, ví dụ:

(11) *Dưới phố không mấy đứa được ngoan thế này đâu! Hai con mắt ấy rồi học sáng phải biết nhá, <u>đen đen</u> là*. [Vợ nhặt - Kim Lân]

Trong những trường hợp này, phụ từ là đóng vai trò như một yếu tố ngữ pháp hóa, góp phần hoàn chỉnh cấu trúc vị ngữ và tăng mức độ xác quyết của phát ngôn. Đây là một kiểu cấu trúc mang tính đặc thù của tiếng Việt, trong đó dạng láy tính từ được sử dụng như trung tâm vị ngữ.

3.3.2.2. Chức năng định ngữ

Dạng láy tính từ cũng có khả năng đảm nhiệm chức năng định ngữ, đứng trước danh từ để bổ sung đặc điểm cho danh từ trung tâm, ví dụ:

(12) *Dưới ánh trăng <u>bàng bạc</u>, giấc ngủ thằng bé thật ngon lành*. [Vợ nhặt - Kim Lân]

(13) *Tơ là một cô gái <u>xinh xinh</u>*. [Một chuyện xu-vơ-nia - Nam Cao]

Khi làm định ngữ, dạng láy tính từ thường mang giá trị miêu tả tinh tế, gợi hình và giàu sắc thái cảm xúc hơn so với tính từ không láy. Tuy nhiên, không phải mọi dạng láy đều có khả năng thực hiện chức năng này; các dạng láy mang sắc thái biểu cảm mạnh hoặc có cấu trúc phức tạp thường bị hạn chế trong vai trò định ngữ. Điều đó cho thấy chức năng định ngữ của dạng láy tính từ có tính chọn lọc, phụ thuộc vào kiểu cấu trúc và giá trị ngữ nghĩa của từng dạng láy cụ thể.

3.3.2.3. Chức năng bổ ngữ và trạng ngữ

Trong một số trường hợp, dạng láy tính từ có thể đảm nhiệm chức năng bổ ngữ hoặc trạng ngữ, thường dùng để bổ sung thông tin về trạng thái hoặc mức độ của hành động, ví dụ:

(14) *...rồi thì đoàn tàu cũng chầm chậm lướt qua*. [Hai đứa trẻ - Thạch Lam]

(15) *Lão Khúng lúc nào cũng hầm hầm hè giơ cao thanh roi*. [Phiên chợ Giát - Nguyễn Minh Châu]

Ở chức năng này, dạng láy tính từ thường kết hợp với động từ và tham gia vào việc miêu tả bối cảnh hoặc trạng thái diễn ra của hành động. So với tính từ không láy, dạng láy tạo hiệu quả miêu tả sinh động hơn và góp phần làm rõ sắc thái ngữ dụng của câu.

3.3.3. Sự khác biệt về chức năng ngữ pháp giữa dạng láy và tính từ không láy

Mặc dù dạng láy tính từ về cơ bản vẫn có thể đảm nhiệm các chức năng cú pháp tương tự như tính từ không láy, nhưng giữa hai hình thức này tồn tại những khác biệt đáng chú ý.

Thứ nhất, tính từ không láy có khả năng sử dụng trung tính và linh hoạt hơn, trong khi dạng láy thường gắn với các ngữ cảnh miêu tả, đánh giá hoặc biểu cảm.

Thứ hai, một số dạng láy bị hạn chế về chức năng cú pháp, không thể xuất hiện ở mọi vị trí mà tính từ không láy có thể đảm nhiệm.

Thứ ba, dạng láy tính từ có xu hướng xuất hiện nhiều hơn trong văn học và giao tiếp khẩu ngữ, trong khi tính từ không láy phổ biến hơn trong các văn bản mang tính hành chính hoặc khoa học.

Những khác biệt này cho thấy dạng láy tính từ không phải là một biến thể tùy ý mà là một lựa chọn ngữ pháp mang tính chức năng, phản ánh mục đích giao tiếp của người nói.

3.4. Ý nghĩa của việc nghiên cứu dạng láy tính từ

1) Góp phần vào nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt:

Việc nghiên cứu dạng láy tính từ góp phần làm rõ một hiện tượng ngữ pháp mang tính đặc thù của tiếng Việt, qua đó bổ sung và hoàn thiện hệ thống mô tả ngữ pháp tiếng Việt hiện đại. Thông qua việc phân tích cấu trúc, ý nghĩa và chức năng ngữ pháp của dạng láy tính từ, nghiên cứu khẳng định rằng láy không chỉ là một phương thức tạo từ mang tính từ vựng mà còn là một cơ chế ngữ pháp hóa có vai trò điều chỉnh ý nghĩa và chức năng cú pháp. Kết quả nghiên cứu góp phần củng cố quan điểm phân biệt giữa từ láy và dạng láy, vốn còn chưa thật sự thống nhất trong nhiều công trình trước đây. Việc xác lập rõ tư cách ngữ pháp của dạng láy tính từ giúp hạn chế sự nhập nhằng trong phân loại, đồng thời tạo cơ sở lí luận cho các nghiên cứu tiếp theo về hiện tượng láy ở những từ loại khác, như động từ và danh từ.

Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng làm sáng tỏ mối quan hệ giữa hình thức ngôn ngữ và ý nghĩa biểu đạt, cho thấy cách thức tiếng Việt khai thác yếu tố ngữ âm để phục vụ các mục đích ngữ pháp và ngữ dụng.

2) Đối với giảng dạy và học tập từ láy tiếng Việt:

Trong lĩnh vực giảng dạy tiếng Việt, đặc biệt là dạy tiếng Việt như một ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ thứ hai, dạng láy tính từ thường là nội dung khó tiếp cận đối với người học do tính đa dạng về hình thức và sắc thái ý nghĩa. Việc nghiên cứu hiện tượng này một cách có hệ thống cung cấp cơ sở khoa học để xây dựng nội dung giảng dạy phù hợp, tránh những cách giải thích mang tính cảm tính hoặc liệt kê rời rạc. Kết quả nghiên cứu có thể được vận dụng trong việc xây dựng bài giảng nhằm: (i) phân biệt rõ tính từ không láy và dạng láy tính từ; (ii) hướng dẫn người học nhận diện các kiểu cấu trúc láy phổ biến; (iii) giải thích sự khác biệt về ý nghĩa và chức năng của các dạng láy trong những ngữ cảnh sử dụng cụ thể. Đối với người học tiếng Việt, việc nắm vững giá trị ngữ pháp và sắc thái biểu đạt của dạng láy tính từ sẽ góp phần nâng cao năng lực sử dụng tiếng Việt một cách tự nhiên, linh hoạt và phù hợp với ngữ cảnh giao tiếp.

3) Các đóng góp khác:

- Dạng láy tính từ là một phương tiện quan trọng trong việc tạo nên tính hình tượng, nhịp điệu và sắc thái biểu cảm của diễn ngôn tiếng Việt, đặc biệt trong văn học và giao tiếp khẩu ngữ. Do đó, việc nghiên cứu hiện tượng này có ý nghĩa thiết thực đối với phong cách học và phân tích diễn ngôn. Việc nhận diện các chức năng và giá trị biểu đạt của dạng láy tính từ cho phép các nhà nghiên cứu phân tích sâu hơn phong cách cá nhân của tác giả, đặc trưng thể loại cũng như sự khác biệt giữa các phong cách chức năng của tiếng Việt. Đồng thời, nghiên cứu này cũng cung cấp công cụ phân tích hữu hiệu cho việc khảo sát ngôn ngữ văn học, báo chí và giao tiếp đời thường.

- Nghiên cứu dạng láy tính từ còn có ý nghĩa quan trọng trong ngôn ngữ học đối chiếu và hoạt động dịch thuật. Do dạng láy là hiện tượng không phải ngôn ngữ nào cũng có hoặc có với mức độ tương đương, hiện tượng này thường gây khó khăn trong quá trình chuyển dịch. Việc làm rõ cơ chế cấu trúc, ý nghĩa và chức năng của dạng láy tính từ giúp người dịch nhận diện đúng giá trị biểu đạt,

từ đó lựa chọn các chiến lược dịch phù hợp như diễn giải, chuyển đổi cấu trúc hoặc sử dụng phương tiện ngôn ngữ tương đương trong ngôn ngữ đích. Đối với nghiên cứu đối chiếu, kết quả của bài viết có thể được sử dụng làm cơ sở để so sánh dạng láy tính từ trong tiếng Việt với các ngôn ngữ khác, qua đó làm rõ hơn đặc trưng loại hình và tư duy ngôn ngữ của tiếng Việt trong bối cảnh đa ngữ.

4. Kết luận

Bài báo đã khảo sát dạng láy tính từ trong tiếng Việt từ ba bình diện cơ bản: cấu trúc hình thức, ý nghĩa ngữ pháp và chức năng ngữ pháp. Trên cơ sở đó, nghiên cứu làm rõ tư cách của dạng láy như một biến thể ngữ pháp của tính từ gốc, không phải là một đơn vị từ vựng độc lập.

Về phương diện cấu trúc, kết quả phân tích cho thấy hệ thống dạng láy tính từ trong tiếng Việt có tính đa dạng và linh hoạt cao, bao gồm cả láy toàn bộ và láy bộ phận, với sự tham gia của các hiện tượng biến âm, biến điệu và hòa phối ngữ âm. Các kiểu cấu trúc như AA, aA, AA là, AABB, ABB, AbB, ABab, abAB phản ánh rõ đặc trưng loại hình của tiếng Việt cũng như khả năng khai thác yếu tố ngữ âm trong tổ chức hình thức ngữ pháp.

Về phương diện ý nghĩa ngữ pháp, dạng láy tính từ chủ yếu đảm nhiệm chức năng điều chỉnh nội dung ngữ nghĩa của từ gốc, biểu thị mức độ, tính mờ và sắc thái biểu cảm. Những ý nghĩa này không mang tính định lượng tuyệt đối mà gắn chặt với cảm nhận chủ quan và ngữ cảnh sử dụng, qua đó làm tăng tính hình tượng và hiệu quả biểu đạt của diễn ngôn.

Về phương diện chức năng ngữ pháp, dạng láy tính từ có khả năng đảm nhiệm các vị trí cú pháp cơ bản của tính từ như vị ngữ, định ngữ, bổ ngữ và trạng ngữ, song với những giới hạn nhất định so với tính từ không láy. Điều này cho thấy dạng láy là một lựa chọn ngữ pháp mang tính chức năng, phục vụ mục đích giao tiếp và phong cách diễn đạt của người nói.

Nhìn chung, nghiên cứu khẳng định rằng dạng láy tính từ là một hiện tượng ngữ pháp - ngữ nghĩa quan trọng trong tiếng Việt, phản ánh mối quan hệ chặt chẽ giữa hình thức, ý nghĩa và chức năng. Kết quả của bài báo không chỉ góp phần hoàn thiện mô tả ngữ pháp tiếng Việt mà còn tạo cơ sở cho các nghiên cứu tiếp theo về hiện tượng láy ở những từ loại khác, cũng như cho các ứng dụng trong giảng dạy, dịch thuật và nghiên cứu đối chiếu ngôn ngữ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Cao Xuân Hạo (2007), *Tiếng Việt - sơ thảo ngữ pháp chức năng*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
2. Diệp Quang Ban (1989), *Ngữ pháp tiếng Việt phổ thông* (tập 1), Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Hoàng Tuệ (1978), "Về những từ gọi là 'từ láy' trong tiếng Việt", *Ngôn ngữ*, số 3, 1-12.
4. Hoàng Văn Hành (1995), *Từ điển từ láy tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Hoàng Văn Hành (1998), *Từ tiếng Việt: hình thái - cấu trúc - từ láy - từ ghép - chuyển loại*, Nxb Khoa học xã hội, TP. Hồ Chí Minh.
6. Hoàng Văn Hành (2008), *Từ láy trong tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
7. Nguyễn Đức Tồn. (2011), "Trong tiếng Việt có hay không cái gọi là phương thức "từ hóa hình vị" và phương thức cấu tạo từ láy". Tạp chí *Khoa học Xã hội Việt Nam*, số 5, 45–58.
8. Nguyễn Kim Thản (1997), *Nghiên cứu về ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
9. Nguyễn Phú Phong (1977), "Vấn đề từ láy trong tiếng Việt", *Ngôn ngữ*, số 1, 25–38.
10. Ủy ban Khoa học Xã hội Việt Nam (1983), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội.
11. Nguyễn Thiện Giáp (1979), "Tìm hiểu sự hoạt động của từ láy trong các phong cách ngôn ngữ", Tạp chí *Ngôn ngữ*, số 4, 15–27.
12. Nguyễn Văn Hiệp (2013), Một số vấn đề về từ láy trong tiếng Việt hiện đại. *Ngôn ngữ*, số 8, 15–27.
13. Phan Ngọc (2013), *Hình thái học trong từ láy tiếng Việt*. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học Xã hội.

14. Trần Thị Mai Hoa (2016), "Đặc điểm ngữ nghĩa của từ láy trong tiếng Việt". Tạp chí *Ngôn ngữ & Đời sống*, số 9, 32–38.

Tiếng Anh

15. Nguyen, T. T., & Ingram, J. (2010), Reduplication and word stress in Vietnamese. *Journal of Phonetics, 38* (số 3), 341–356.
16. Nguyen, T. T. (2018), Reduplication, iconicity and expressivity in Vietnamese. *Journal of Southeast Asian Linguistics, 24*, 67–92.
17. Trinh, T. H. (2025), On similative reduplication in Vietnamese. *Languages, 10* (số 1), Article 22.
18. Vu, H. T. (2014), Productive reduplication in Southern Vietnamese. *Oceanic Linguistics, 53* (số 2), 412–445.

Approaches to adjectival reduplication in Vietnamese: Structural, semantic and functional

Abstract: Reduplication is a salient linguistic phenomenon in Vietnamese, reflecting both its typological characteristics and the expressive cognition of its speakers. Within the Vietnamese grammatical–lexical system, adjectival reduplication plays a significant role in conveying semantic nuances, degrees, and emotional attitudes.

This paper investigates adjectival reduplication in Vietnamese from three interrelated perspectives: structural patterns, semantic values, and syntactic functions. The analysis is conducted within a modern Vietnamese linguistic framework, based on data drawn from written texts and everyday spoken discourse. The findings indicate that adjectival reduplication functions not merely as a stylistic device but as an intrinsic grammatical–semantic mechanism that enhances the expressive capacity of Vietnamese. The study also suggests pedagogical implications for teaching Vietnamese as a foreign language.

Key words: reduplication; adjective; structure; semantics; syntactic function